

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122 /2020/KDTM-PT
Ngày: 27 / 7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Thành
Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 27/ 7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 50/2020/TLPT-KDTM ngày 19/2/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2019/KDTM-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2020/QĐ-PT ngày 20/05/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2020/QĐ-PT ngày 11/6/2020; Quyết định ngừng phiên tòa số 368/QĐ-HPT ngày 2/7/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 346/TP-HPT ngày 7/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Trụ sở: 130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh thành phố Hà Nội: 181 Nguyễn Lương Bằng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng giám đốc NH TMCP A theo Quyết định số 128/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27/4/2016.

Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T – Phó Giám đốc PGG Tây Hồ theo Giấy ủy quyền số 891/QĐ-DAB-PC ngày 13/8/2019.

(Có mặt);

Bị đơn: Công ty cổ phần B

Địa chỉ: Số 6 ngõ 126 phố Đốc Ngũ, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H – Sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú tại: tập thể trung tâm thể dục thể thao, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Ngô Thị Kim T, sinh năm

Địa chỉ: P706 tòa nhà Tower CT36, 326 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.

(Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960

3. Bà Bùi Thị Minh T, sinh năm 1961

4. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1996

5. Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1990

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

(Ông H có mặt; Bà T, anh T, chị N vắng mặt)

6. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1951

7. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1954

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ 36 nhà số 1, ngõ 5 phố Hoàng Sâm, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

(Ông V có mặt; Bà Huê vắng mặt)

8. Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1990

9. Chị Lê Thị C , sinh năm 1989

10. Cháu Nguyễn Thùy C, sinh năm 2016

Cháu Chi do anh Q, chị C đại diện theo pháp luật

Cùng tạm trú tại: xóm 11 xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (số mới: số nhà 76 ngõ 119 đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội).

(Anh Q, chị C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:**

Công ty cổ phần B ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh TP.Hà Nội – PGD Tây Hồ (gọi tắt là Ngân hàng A). Theo các hợp đồng tín dụng nguyên tắc số H0182/1NT ngày 23/08/2013, H0183/1NT ngày 23/8/2013 và H0184/1NT ngày 23/08/2013 tổng hạn mức ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho Công ty cổ phần B là: 6.500.000.000 VND; Lãi suất: 13%/năm. Hiện tại đang áp dụng lãi suất quá hạn là 19,5%/năm; Thời hạn vay: từ 29/08/2013 đến 28/02/2014 (và gia hạn đến 29/12/2014 theo phụ lục hợp đồng); Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty Cổ phần B đã thế chấp cho Ngân hàng A các tài sản là các bất động sản sau:

+ Bất động sản tại số 03 dãy G6 Tập thể Trung tâm khoa học kỹ thuật công nghệ quân sự, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD142760, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH4845/QĐ-UBND/2010/544 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 31/12/2010 mang tên ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị H. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số: 001357.2013/HĐTCNL ngày 26/8/2013 tại VPCC Tuệ Tĩnh, trị giá TSĐB 3.750 triệu đồng đảm bảo dư nợ tối đa 2.625 triệu đồng. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/08/2013 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Cầu Giấy.

+ Bất động sản tại Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN490975 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 5151/2013/QĐUB/CH01054 do UBND Huyện Thanh Trì cấp ngày 26/07/2013 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Minh T. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 001356.2013/HĐTCBL ngày 26/08/2013, tại VPCC Tuệ Tĩnh, trị giá tài sản đảm bảo 2.950.000.000 đồng đảm bảo dư nợ tối đa 2.065.000.000 đồng. Đăng ký

giao dịch đảm bảo ngày 29/08/2013 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Thanh Trì.

+ Bất động sản tại xóm 11 xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AE 825981 số vào sổ cấp GCN: H1919 do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 08/08/2016 mang tên bà Ngô Thị Kim T. Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 001355.2013/HĐTCBL ngày 26/08/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, trị giá tài sản đảm bảo 2.600.000.000 đồng đảm bảo dư nợ tối đa 1.810.000.000 đồng. Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 27/08/2013 tại Văn phòng Đăng ký nhà và đất huyện Từ Liêm.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp ngân hàng đã giải ngân cho Công ty B tiền vốn vay là 6.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 29/8/2013 đến ngày 26/8/2019, Công ty B chưa trả tiền nợ gốc, chỉ trả được số tiền nợ lãi trong hạn cho Ngân hàng là 802.750.000 đồng, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A, không thanh toán được nợ gốc và lãi theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng. Do đó Ngân hàng đã phải gia hạn nợ cho Công ty, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty B thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng công ty vẫn không thanh toán, do đó Ngân hàng phải khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Công ty B phải thanh toán nợ tạm tính đến ngày 29/8/2019 các khoản sau:

- Gốc : 6.500.000.000 đồng
- Lãi trong hạn : 340.347.222 đồng
- Lãi quá hạn : : 5.999.500.000 đồng
- **Tổng cộng : 12.839.847.222 đồng**

Đề nghị tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty B thực tế thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP A yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại 03 tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ nêu trên. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư nguyên đơn sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn số tiền thiếu.

*** Theo bản trình bày ngày 25/3/2018, và 26/5/2018 bị đơn Công ty cổ phần B, đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn V – Tổng giám đốc trình bày:**

Đối với khoản vay của Công ty B với Ngân hàng A, Công ty đang tích cực giải quyết nhưng vì vướng mắc về thủ tục nên chưa giải quyết được sớm đúng như mong muốn. Bản thân ông V vì lý do sức khỏe và công việc nên hiện đang trong thành phố Hồ Chí Minh để cùng mọi người lo nguồn tiền trả nợ ngân hàng nên không thể ra Hà Nội để có mặt theo giấy báo của Tòa án. Đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho công ty thêm thời gian để lo thu xếp tiền trả nợ và đề nghị Tòa án, ngân hàng tạo điều kiện để các gia đình chuộc lại tài sản trên.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ Tại bản tự khai ngày 21/12/2017, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và Công ty B là chỗ quen biết, vì có đôi lúc thực hiện một số công việc dự án xây dựng với nhau, với lời đề nghị thiết tha của lãnh đạo công ty là ông Ngô Duy Hưng và ông Phạm Văn V, để tạo điều kiện có thêm nguồn vốn đầu tư cho thi công xây dựng thuộc các gói thầu đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai và một số công trình khác của công ty, với tinh thần công ty sẽ bảo đảm nguyên vẹn không gây ảnh hưởng có hại cho tài sản bảo đảm của tôi. Do đó chúng tôi đã đồng ý cho công ty mượn tài sản là sổ đỏ mang tên tôi là Nguyễn Văn H. Ngày 26/8/2013 tôi và vợ đã cùng giám đốc và chủ tịch HĐQT công ty B đã ra văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh ký hợp đồng bảo đảm trên nay gia đình tôi có nguyện vọng mong muốn ngân hàng đề nghị các bên liên quan đến làm rõ về thời gian kế hoạch trả nợ để đảm bảo quyền lợi cho chúng tôi.

+ Tại bản tự khai ngày 21 tháng 01 năm 2018, anh Quý và chị Chuyên trình bày: Thực tế vợ chúng tôi chỉ là người thuê nhà của chị Ngô Thị Kim T nên chúng tôi không có quyền lợi gì liên quan tới vụ án. Quá trình thuê chúng tôi không cải tạo, sửa chữa gì nhà đất trên. Vì hiện nay công việc của chúng tôi rất bận, hơn nữa chúng tôi không có quyền lợi gì liên quan nên chúng tôi xin từ chối tham gia tố tụng, và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án gửi kết quả xét xử vụ án cho chúng tôi theo địa chỉ nhà trên.

Sau khi Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án, bà T, bà T, cháu T và cháu N, ông V, bà Huệ với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để giải quyết vụ án và cũng không có lời khai gì tại Tòa.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2019/KDTM-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với Công ty cổ phần B .

2. Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019 là:

- Gốc : **6.500.000.000 đồng**

- Lãi trong hạn : 340.347.222 đồng

- Lãi quá hạn : 5.999.500.000 đồng

- **Tổng cộng : 12.839.847.222 đồng** (mười hai tỷ tám trăm ba

mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi hai đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn số 15301/H006311 ngày 29/8/2013 và các Hợp đồng tín dụng 03 hợp đồng tín dụng số H0182/1NT, H0183/1NT, H0184/NT cùng ngày 23/8/2013 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 361 tờ bản đồ số 54, địa chỉ xóm 11 xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội (địa chỉ mới là: số nhà 76 ngõ 119 đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2 quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) đứng tên chủ sở hữu là bà Ngô Thị Kim T theo Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1240.2012/TCQSĐĐ được văn phòng Công chứng Nguyễn Tú –TP Hà Nội chứng nhận ngày 13/9/2012, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE825981, do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 08/8/2006, số vào sổ H1919 số QĐ 1997/QĐ-UB (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội (số công chứng: 001355.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD). Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 3.575.403.611 đồng (ba tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm lẻ ba ngàn sáu trăm mười một đồng), trong đó nợ gốc là: 1.810.000.000 đồng (một tỷ tám trăm mười triệu đồng) và nợ lãi là: 1.765.403.611 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm lẻ ba ngàn sáu trăm mười một đồng).

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 54, tờ bản đồ 09, địa chỉ thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh

Trì, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 490975 do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 26/7/2013 cho ông Nguyễn Văn H, số vào sổ cấp GCN 5151/2013/QĐ-UB/CH01054 (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội (số công chứng: 001356.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD). Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 4.079.120.694 đồng (bốn tỷ không trăm bảy mươi chín triệu một trăm hai mươi ngàn sáu trăm chín mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là: 2.065.000.000 đồng (hai tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi là: 2.014.120.694 đồng (hai tỷ không trăm mười bốn triệu một trăm hai mươi ngàn sáu trăm chín mươi bốn đồng).

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 3 dãy G6 tập thể Trung tâm KHKT-CNQS phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội (số mới: số 1 ngõ 5 phố Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD142760 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 31/12/2010 cho bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn V, số vào sổ cấp GCN: CH 4845/QĐ-UBND/2010/544 (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội (số công chứng: 001357.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD). Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 5.185.322.917 đồng (năm tỷ một trăm tám mươi lăm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn chín trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 2.625.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi là: 2.560.322.917 đồng (hai tỷ năm trăm sáu mươi triệu ba trăm hai mươi hai ngàn chín trăm mười bảy đồng).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư nguyên đơn sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn số tiền thiếu.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm Ngày 11/9/2019 ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét và yêu cầu phía ngân hàng làm đúng các bước và dừng khởi kiện để các bên có thời gian khắc phục hậu quả, nhằm thanh toán khoản nợ mà Công ty B đã nợ Ngân hàng, nếu sau những bước trên mà Công ty không thực hiện thì pháp luật mới giải quyết.

Ngày 13/9/2019, bà Ngô Thị Kim T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận trả nợ gốc, xóa nợ lãi quá hạn.

Ngày 18/9/2019 ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy án sơ thẩm 18/2019/KDTM-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình để xét xử lại.

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Nguyễn Văn H cho rằng khi Công ty cổ phần B vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thì Ngân hàng không thông báo cho gia đình ông biết là không đúng theo quy định, do đó gia đình ông không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp cho gia đình ông.

Ông Phạm Văn V cho rằng, khi Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng không thông báo cho Công ty cổ phần B, Công ty không có văn bản gửi ngân hàng xin miễn giảm lãi; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con, cháu ông vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng và ông khẳng định từ trước cho đến nay Ngân hàng chưa bao giờ gửi các thông báo cho công ty đề nghị công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi cho ngân hàng. Ông đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm.

Các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phúc thẩm sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án trình bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: xét thấy tại phiên tòa hôm nay Ông H. ông V đều xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ mà các ông đã xuất trình cho Tòa án thì các ông không còn tài liệu nào để xuất trình cho Tòa án. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Văn V. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2019/KDTM- ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Văn V và bà Phạm Thị H làm trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Kim T, bà Phạm Thị H: xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm bà Thoa, bà Huê có đơn kháng cáo, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và các Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa cho bà Thoa, bà Huê nhưng bà Thoa, bà Huê vẫn vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bà Thoa, bà Huê được coi là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của bà Thoa, bà Huê.

Về người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa ông V đề nghị Tòa án đưa các con ông là Phạm Ngọc Tú, Phạm Thị Hồng Hạnh, anh V Lê Huy (con rể ông), cháu ông là Phạm Nhật Nam, Phạm Hoàng Linh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, vì các con, cháu ông hiện đang có hộ khẩu và đang sinh sống tại số nhà 1, ngõ 5, tổ 36 phố Hoàng Sâm, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hơn nữa các con ông là người bỏ tiền ra xây dựng diện tích nhà 3 tầng trên diện tích đất này. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm ông V mới đưa ra yêu cầu này, tuy nhiên ông V không xuất trình được chứng cứ để chứng minh về việc các con ông đã bỏ tiền ra xây dựng diện tích nhà 3 tầng; Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại công an phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Công an phường Nghĩa Đô cho biết: “.... Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại số 1, ngõ 5 Hoàng Sâm, Cầu Giấy, Hà nội. Ông V và bà Huê vẫn ở tại địa chỉ trên, nhưng thường xuyên vắng nhà, ngoài ra không có ai ở tại địa chỉ trên”. Vì vậy, Tòa án không đưa anh Phạm Ngọc Tú, chị Phạm Thị Hồng Hạnh, anh V Lê Huy (con rể ông V), anh Phạm Nhật Nam, chị Phạm Hoàng Linh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định

tại khoản 6 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông V.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa; Giấy triệu tập cho các đương sự trong vụ án. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị Minh T, Anh Nguyễn Đình Q, chị Lê Thị C, cháu Nguyễn Thùy C do anh Quý, chị Chuyên là người đại diện theo pháp luật, đều vắng mặt không có lý do. Anh Nguyễn Thành T, chị Nguyễn Hồng N đều vắng mặt và có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[5].Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, ông Phạm Văn V. Hội đồng xét xử xét thấy : Các hợp đồng tín dụng số H0182/1NT, H0183/1NT, H0184/NT cùng ngày 23/8/2013 và hợp đồng vay vốn số 15301/H0063/1 ngày 29/8/2013 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và Công ty cổ phần B được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 29/8/2013 Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á đã giải ngân cho Công ty B số tiền 6.500.000.000 đồng (theo Giấy nhận nợ ngày 29/8/2013). Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác nhận Công ty B mới thanh toán trả lãi cho Ngân hàng với số tiền là: 802.750.000 đồng, ngoài ra Công ty cổ phần B không trả được một khoản tiền nào khác cho Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019 là: 12.839.847.222 đồng, trong đó: Nợ gốc là : 6.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là : 340.347.222 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 5.999.500.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 361 tờ bản đồ số 54, địa chỉ xóm 11 xã Cổ Nhuế (địa chỉ mới là: số nhà 76 ngõ 119 đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2 quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) mang tên bà Ngô Thị Kim T, theo Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1240.2012/TCQSĐĐ được văn phòng Công chứng Nguyễn Tú –Thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 13/9/2012, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE825981, do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 08/8/2006, số vào sổ H1919 số QĐ 1997/QĐ-UB. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại

Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội số công chứng: 001355.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 3.575.403.611 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.810.000.000 đồng ; Nợ lãi là: 1.765.403.611 đồng.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 54, tờ bản đồ 09, địa chỉ thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 490975 do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 26/7/2013 cho ông Nguyễn Văn H, số vào sổ cấp GCN 5151/2013/QĐ-UB/CH01054 . Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội số công chứng: 001356.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 4.079.120.694 đồng, trong đó nợ gốc là: 2.065.000.000 đồng ; Nợ lãi là: 2.014.120.694 đồng.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 3 dãy G6 tập thể Trung tâm KHKT-CNQS (số mới: số 1 ngõ 5 phố Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD142760 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 31/12/2010 cho bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn V, số vào sổ cấp GCN: CH 4845/QĐ-UBND/2010/544. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội số công chứng: 001357.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD). Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 5.185.322.917 đồng , trong đó nợ gốc là: 2.625.000.000 đồng; Nợ lãi là: 2.560.322.917 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của Ông H Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm Ông H không có yêu cầu độc lập đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, sau khi xét xử sơ thẩm Ông H chỉ kháng cáo đề nghị Ngân hàng thực hiện các bước thanh toán và dừng việc khởi kiện để các bên có thời gian khắc phục hậu quả thanh toán các khoản nợ của Công ty B, nếu Công ty B không thực hiện việc thanh toán thì pháp luật mới giải quyết. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự cũng không đưa ra được phương án để giải quyết vụ án. Mặt khác theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, thì yêu cầu kháng cáo này của Ông H vượt quá phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông V. Hội đồng xét xử xét thấy theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 14/10/2016, Công ty cổ phần B đã có đơn đề

ngiht gửi Ngân hàng và hai bên đã có biên bản làm việc, tại các văn bản này do ông V là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký với nội dung Công ty đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi cho Công ty và Công ty cam kết hoàn thành nghĩa vụ thanh toán trả nợ còn lại cho ngân hàng sau khi được trừ số tiền lãi được miễn trong quý 1 năm 2017, như vậy việc ông V cho rằng không được biết về tình trạng dư nợ của công ty là không có căn cứ. Ngoài ra ông V cho rằng diện tích nhà 03 tầng trên diện tích đất tại số 1 ngõ 5 phố Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội là do các con ông bỏ tiền ra xây dựng trước khi ông và bà Huê ký hợp đồng thế chấp cho Ngân hàng. Xét thấy, quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay ông V mới đưa ra yêu cầu này, tuy nhiên ông V cũng xác nhận ông không có chứng cứ tài liệu gì để chứng minh cho yêu cầu này của mình. Do vậy, không có căn cứ để xem xét đối với yêu cầu này của ông V.

Xét thấy, các hợp đồng thế chấp trên được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, về hình thức, nội dung của các hợp đồng đều phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Do vậy, trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông H và ông V.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của Ông H, bà Thoa, bà Huê, ông V không được chấp nhận, nên các ông, bà phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 308; Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 302,305,342,344,351,471,476,478,715,721 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/ NQ – QH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm kinh doanh thương mại số 18/2019/KDTM-ST ngày 29/8/2019 của Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với Công ty cổ phần B .

2. Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng vay vốn số 15301/H006311 ngày 29/8/2013 và các Hợp đồng tín dụng 03 hợp đồng tín dụng số H0182/1NT, H0183/1NT, H0184/NT cùng ngày 23/8/2013 tạm tính đến ngày 29/8/2019 tổng cộng là: 12.839.847.222 đồng (mười hai tỷ tám trăm ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi hai đồng). Trong đó:

- Nợ Gốc là : 6.500.000.000 đồng
- Nợ Lãi trong hạn là : 340.347.222 đồng
- Nợ Lãi quá hạn là : 5.999.500.000 đồng

Kể từ ngày 30/8/2019, Công ty cổ phần B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Trường hợp Công ty cổ phần B không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 361 tờ bản đồ số 54, địa chỉ xóm 11 xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm (địa chỉ mới là: số nhà 76 ngõ 119 đường Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 2 quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội) mang tên bà Ngô Thị Kim T, theo Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1240.2012/TCQSDĐ được văn phòng Công chứng Nguyễn Tú – TP Hà Nội chứng nhận ngày 13/9/2012. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE825981, do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 08/8/2006, sổ vào sổ H1919 số QĐ 1997/QĐ-UB, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội số công chứng: 001355.2013/HĐTCBL quyển số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 3.575.403.611 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.810.000.000 đồng; Nợ lãi là: 1.765.403.611 đồng

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 54, tờ bản đồ 09, địa chỉ thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất số BN 490975 do UBND huyện Thanh Trì cấp ngày 26/7/2013 mang tên ông Nguyễn Văn H, số vào sổ cấp GCN 5151/2013/QĐ-UB/CH01054 .Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội số công chứng: 001356.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 4.079.120.694 đồng , trong đó nợ gốc là: 2.065.000.000 đồng ; Nợ lãi là: 2.014.120.694 đồng .

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 3 dãy G6 tập thể Trung tâm KHKT-CNQS phường Nghĩa Đô (số mới: số 1 ngõ 5 phố Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD142760 do UBND quận Cầu Giấy cấp ngày 31/12/2010 mang tên bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn V, số vào sổ cấp GCN: CH 4845/QĐ-UBND/2010/544. Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ký ngày 26/8/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội (số công chứng: 001357.2013/HĐTCBL quyền số: 02/TP/CC-SCC-HĐGD. Tài sản này bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ số tiền 5.185.322.917 đồng, trong đó nợ gốc là: 2.625.000.000 đồng ; Nợ lãi là: 2.560.322.917 đồng.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ trong hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu dư nguyên đơn sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn số tiền thiếu.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

4. Về án phí:

- Công ty cổ phần B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là: **120.940.000 đồng** (một trăm hai mươi triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần A **59.200.000 đồng** (năm mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AB/2015/07857 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H; bà Ngô Thị Kim T, ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm. Ông H, bà Thoa mỗi người được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí các ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005819 ngày 20/9/2019 và 0005816 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, Hà Nội. Ông Phạm Văn V, bà Phạm Thị H đã nộp 2.000.000 đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005808 ngày 18/9/2019 của chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Ông V, bà Huê mỗi người còn phải nộp 1.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Ba Đình
- Tòa án ND Q. Ba Đình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Thành Lê Thanh Bình

Ngô Tuyết Băng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng
- Tòa án ND Q. Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng*
- *Tòa án ND Q. Hai Bà Trưng*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Tuyết Băng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10 /2018/KDTM- ST.

Ngày: 14/05/2018

V/v Tranh chấp Hợp đồng mua

bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Tuyết Băng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng
Bà Phạm Thị Thu

Th ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Liên- Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: Bà Lê Thị Thu Hương-
Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận
Đống Đa, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh
doanh thương mại thụ lý số 65/2017/TLST-KDTM ngày 05/10/ 2017 về việc:
Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo quyết định đa vụ án ra xét xử sơ
thẩm số 20/2018/QĐXX-KDTM-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018, Quyết định
hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HPT ngày 13/3/2018, thông báo mở lại phiên
tòa số 267/2018/TP ngày 14/3/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số
44/2018/QĐST-KDTM ngày 27/3/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số
937/2018/TB ngày 02/5/2018 giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia

Trụ sở: số 17/41, Thông Phong, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Anh- Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Cao Phong; Có mặt tại phiên tòa.

Bi đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON

Trụ sở: số 1004 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình Thu- Chủ tịch Hội đồng quản
trị;

Ông Phạm Anh Chính – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông
Đặng Văn Tuấn- nhân viên pháp chế; Có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng
E Con luật sư Lê Thiên- Công ty Luật TNHH Lê và Liên danh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2017 và các biên bản ghi lời khai tại Tòa
án Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia do ông Trần Cao Phong đại diện theo ủy
quyền trình bày:** Ngày 16/8/2013, Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia do ông Trần

Tuấn Anh – giám đốc và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON do ông Đỗ Đình Thu – Tổng giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/E CON-TranGia/2013 về việc cung cấp thiết bị vật tư và thực hiện các hạng mục theo yêu cầu trong các công trình xây dựng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON kèm theo cả Phụ lục số 01 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 16/8/2013 thống nhất về việc mua bán, cung cấp thiết bị vật tư cho công trình Thăng Long Garden (chi tiết cụ thể hàng hóa, chủng loại, giá cả, số lượng), với nội dung:

“... Điều 1: Nội dung và phạm vi công việc:

- – Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận Cung cấp thiết bị, vật tư và thực hiện các hạng mục khác (nếu bên A có yêu cầu) cho các công trình của bên A.
- – Chủng loại, số lượng, đơn giá, tổng trị giá như các Phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Điều 2: Chất lượng vật tư và quy cách kỹ thuật:

Toàn bộ thiết bị, vật tư được cung cấp là mới 100% được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn và quy cách của nhà sản xuất.

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

3.1. Giá trị hợp đồng: Theo chi tiết tại các Phụ lục đính kèm, với tổng giá trị là 2.480.927.350 đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng)

- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản, tiền mặt.

- Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng Việt Nam.

3.2 Quyết toán: ... Bên A sẽ thanh toán nốt cho Bên B đến 100% tổng giá trị các hạng mục theo 1 quy định của từng phụ lục kèm theo hợp đồng này mà bên B đã thực hiện thực tế tại các công trình theo yêu cầu của Bên A (bao gồm thuế VAT) trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận được đầy đủ “Bộ hồ sơ Quyết toán” của bên B theo chi tiết như sau:

“Bộ hồ sơ quyết toán” gồm:

- Bảng tổng hợp tài chính và khối lượng các công việc thực hiện thực tế của bên B tại các công trình theo yêu cầu của Bên A (bao gồm cả thuế VAT) cho từng Phụ lục kèm theo hợp đồng này (bản gốc).

- “Bộ chứng từ giao hàng”: Toàn bộ các hồ sơ do nhà sản xuất cấp khi giao hàng.

- Biên bản bàn giao khối lượng thực tế thực hiện của từng giai đoạn (bản copy) được xác nhận bởi các đại diện của hai bên.
- Biên bản nghiệm thu thực hiện các hạng mục khác (nếu bên A có yêu cầu) có xác nhận bởi Đại diện có thẩm quyền của hai bên (bản copy nếu có).
- Hóa đơn Giá trị gia tăng hợp lệ cho toàn bộ tổng trị giá khối lượng Bên B đã thực hiện tại các công trình theo yêu cầu của Bên A (bao gồm cả thuế VAT) cho từng phụ lục kèm theo hợp đồng này.
- Các tài liệu liên quan khác nếu có.

Điều 4: Điều khoản thực hiện:

Khối lượng và thời gian thực hiện:

Theo chi tiết quy định tại từng phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Khối lượng cuối cùng để nghiệm thu và kết toán sẽ là khối lượng nghiệm thu thực tế bên B đã thực hiện tại các công trình có xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên (A và B)...”

*** Phụ lục Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/E CON-TranGia/2013, với nội dung như sau:**

1. Bộ cửa đi bằng gỗ công nghiệp (gồm: Cánh cửa+ khung cửa)KT: (1210*2040)mm. Mới 100%; số lượng 150; Đơn giá 3.315.000 đồng/m²; thành tiền: 497.250.000đồng.
2. cửa+ cánh cửa+ phụ kiện .Kích thước: (700*2020)mm. Mới 100%; số lượng 12; Đơn giá 1.910.000 đồng/m²; thành tiền: 22.920.000 đồng.
3. cửa+ cánh cửa+ phụ kiện .Kích thước (2020*1280)mm. Mới 100%; số lượng 1; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 2.010.000 đồng.
4. Bộ cửa tổng hợp có kính và kim loại (gồm: khung cửa+ cánh cửa+ phụ kiện), Kích thước: (2020*1500)mm. Mới 100%; số lượng 3; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 6.030.000 đồng.
5. cửa +Cánh cửa+ phụ kiện. Kích thước (2020*1800)mm. Mới 100%; số lượng 3; Đơn giá 2.120.000 đồng/m²; thành tiền: 6.360.000 đồng.
6. Cửa+ Cánh cửa+ phụ kiện, kích thước: (2020*1700)mm. Mới 100%; số lượng 1; Đơn giá 2.120.000 đồng/m²; thành tiền: 2.120.000 đồng.
7. Cửa+ Cánh cửa+ phụ kiện, kích thước: (1750*1300)mm. Mới 100%; số lượng 9; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 18.090.000 đồng.
8. Cửa+ Cánh cửa+ phụ kiện, kích thước: (1470*1300)mm. Mới 100%; số lượng 1; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 2.010.000 đồng.

9. Cửa+ Cánh cửa+ phụ kiện, kích thước: (1750*1090)mm. Mới 100%; số lượng 3; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 6.030.000 đồng.

10. Bộ cửa nhựa tổng hợp có kính và kim loại (gồm: khung cửa+ cánh cửa+ phụ kiện), Kích thước: (600*600)mm. Mới 100%; số lượng 2; Đơn giá 1.600.000 đồng/m²; thành tiền: 3.200.000 đồng.

11. Cửa+ Cánh cửa+ phụ kiện, kích thước: (1270*1300)mm. Mới 100%; số lượng 1; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 2.010.000 đồng.

12. Cửa+ Cánh cửa+ phụ kiện, kích thước: (1660*1300)mm. Mới 100%; số lượng 1; Đơn giá 2.010.000 đồng/m²; thành tiền: 2.010.000 đồng.

13. Aptomat loại JNB1-63 C20.230/400V-50Hz. Mới 100%; số lượng 2.900; Đơn giá 78.500 đồng/chiếc; thành tiền: 227.650.000 đồng.

14. Aptomat loại JNB1-63 C63.230/400V-50Hz, có hộp bảo vệ bằng nhựa; Mới 100%; số lượng 450; Đơn giá 115.000 đồng/chiếc; thành tiền: 51.750.000 đồng.

15. Dây dẫn điện loại ZR-RVV2*1mm², điện áp 300/500 V. Mới 100%; số lượng 26.520m; Đơn giá 13.550 đồng/m; thành tiền: 359.346.000 đồng.

16. Dây dẫn điện loại ZR-RVV3*2.5mm², điện áp 300/500 V. Mới 100%; số lượng 25.500 m; Đơn giá 17.850 đồng/m; thành tiền: 455.175.000 đồng.

17. Dây dẫn điện loại ZR-RVV2*10+1*6mm², điện áp 300/500 V. Mới 100%; số lượng 3.995 m; Đơn giá 66.500 đồng/m; thành tiền: 265.667.500 đồng.

18. Dây cáp tivi 100m/cuộn. Mới 100%; số lượng 7000 m; Đơn giá 11.000 đồng/m; thành tiền: 77.000.000 đồng.

19. Dây cáp mạng chưa gắn đầu nối 4UTP Category 5e (305 m/cuộn). Mới 100%; số lượng 12.200m; Đơn giá 9.800 đồng/m; thành tiền: 119.560.000 đồng.

20. Dây cáp điện thoại 3C-2V (200m/cuộn) Mới 100%; số lượng 13.600; Đơn giá 9.500 đồng/m; thành tiền: 129.200.000 đồng.

* Tổng cộng số tiền hàng trên là : 2.255.388.500 đồng và tiền thuế VAT là : 225.538.850 đồng. Tổng giá trị hợp đồng là 2.480.927.350 đồng.

Ghi chú:

1. Giá trên là giá đã thanh bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển đến chân công trình.

2. Thanh toán 100% tổng giá trị phụ lục trong vòng 03 ngày kể từ khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa cho bên A tại công trình, hình thức thanh toán : Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt vào tài khoản của bên B”.

Sau khi hai bên ký kết hợp đồng ngày 24/8/2013 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã tạm ứng cho Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia bằng tiền mặt với số tiền 600.000.000 đồng, có phiếu chi; Ngày 29/8/2013, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã tạm ứng tiếp cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia 300.000.000 đồng bằng phiếu ủy nhiệm chi.

Ngày 29/8/2013, Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã giao toàn bộ số hàng như đã ký kết ở trên cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON tại kho hàng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON ở 250 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Việc giao nhận hàng hai bên có lập thành văn bản và hai bên ký đóng dấu, xác nhận. Tại biên bản xác nhận này, phía Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã ký xác nhận là: Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia (bên B) đã bàn giao đầy đủ nguyên đai, nguyên kiện toàn bộ số hàng hóa trên cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON (bên A) tại địa điểm công trình của bên A.... Bên A đã nhận đủ số lượng hàng trên, không có ý kiến khiếu nại gì và có trách nhiệm bảo quản hàng hóa nguyên trạng về số lượng, chất lượng kể từ khi nhận hàng. Sau khi Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia bàn giao đủ hàng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON, ngày 30/9/2013, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E Con đã thanh toán tiếp cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia 200.000.000 đồng bằng phiếu ủy nhiệm chi.

Ngoài 03 lần thanh toán trên, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON không thanh toán thêm cho Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia khoản tiền nào khác. Tổng số tiền Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã thanh toán cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia là 1.100.000.000 đồng.

Từ đó cho đến nay Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã nhiều lần sang gặp và làm việc với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ, nhưng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON xin Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia tạo điều kiện vì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đang gặp khó khăn và hứa sau khi kết thúc công trình ở Minh Khai thì sẽ thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia. Việc này các bên chỉ trao đổi bằng miệng chứ không có văn bản gì. Sau đó, Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã nhiều lần có văn bản gửi sang nhưng Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON không có trả lời. Ngày 22/01/2016, Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia có cử người sang gặp trực tiếp phía Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON để yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ

phần quốc tế Trần Gia số tiền còn nợ, nhưng lúc đó ông Phạm Anh Chính có nói là do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON bị mất hết hồ sơ gốc nên không làm việc được với Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia và ông Chính có ký xác nhận việc mất hồ sơ ở góc của bản Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/E CON-TranGia/2013 ngày 16/8/2013. Ngay lúc đó Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã đưa hồ sơ cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON sao chụp hồ sơ và cung cấp lại hồ sơ gốc cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON. Ngày 15/7/2017, Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia tiếp tục gửi Công văn nhắc nhở Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON thanh toán nốt khoản nợ cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia. Ngày 4/8/2017, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã có công văn trả lời Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia tại công văn này Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã cho rằng bản đề nghị thanh toán của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia là không chính xác và không có cơ sở chứng minh số tiền đó và hiện nay Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia còn nợ số tiền chuyển thừa của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ECON là 300.000.000 đồng và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đưa ra rất nhiều yêu cầu vô lý, đến lúc này Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia xác định quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, bị chiếm dụng vốn, bị chiếm đoạt hàng hóa nên Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia tiến hành khởi kiện tại Tòa án.

Tính đến nay Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON còn nợ Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia tổng số tiền là 1.380.927.350 đồng.

Nay Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ECon phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền hàng còn thiếu là: 1.380.927.350 đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/E CON-TranGia/2013 và phụ lục hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON/TRANGIA/2013 ngày 16/8/2013.

- Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia thêm khoản tiền lãi suất chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán của số tiền 1.380.927.350 đồng kể từ ngày 01/01/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, với lãi suất theo qui định của pháp luật.

- Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia khoản tiền thi công hạng mục cơ điện hành

lang tầng 2/A3 theo yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON là 140.310.000 đồng.

Ngoài ra Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không có yêu cầu gì khác.

***Tại các biên bản ghi lời khai tại Tòa án, Công ty cổ phần đầu tư- xây dựng E CON do anh Đặng Văn Tuấn lụ ngời đại diện theo uỷ quyền trình bày:** Việc thực hiện hợp đồng giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON và Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã kết thúc từ năm 2013. Do thời gian đã lâu nên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã thất lạc hết tài liệu liên quan đến hợp đồng với Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia, nên Công ty chưa thể có ý kiến liên quan về việc này. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON khẳng định vụ án này đã hết thời hiệu khởi kiện, vì vậy Công ty cổ phần đầu tư- xây dựng E CON không có ý kiến gì. Đề nghị Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia liên hệ với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON để giải quyết các vấn đề này. Nay Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E Con đề nghị Tòa án xem Xét về thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E Con không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết ngày 22/01/2018, Tòa án nhân dân quận Đống Đa nhận được đơn sửa đổi , bổ sung yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể : Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E Con phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền thi công hạng mục cơ điện hành lang tầng 2/A3 là 140.000.000 đồng, nếu sau này có yêu cầu, thì Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Tại phiên Tòa hôm nay các đương sự xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì các đương sự không còn chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án.

Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia do ông Trần Cao Phong đại diện theo uỷ quyền trình bày: Công ty cổ phần Quốc tế Trần gia khẳng định việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã giao toàn bộ số hàng hóa như đã thỏa thuận cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON. Hai bên đã có biên bản xác nhận việc giao nhận hàng, số hàng hóa này đã được Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đưa vào sử dụng cho công trình 250 Minh Khai, công trình nay đã được đưa vào hoạt động. Từ đó đến nay Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON không có thắc mắc gì về chất lượng của số hàng hóa này. Số hàng hóa này

là tài sản của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia, theo quy định của Bộ luật dân sự thì nếu tranh chấp về quyền sở hữu tài sản thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON có trách nhiệm phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền nợ gốc là 1.380.927.350 đồng. Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả số tiền lãi chậm trả của số tiền 1.380.927.350 đồng cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia.

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON do ông Đặng Văn Tuấn đại diện theo ủy quyền trình bày:việc ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 giữa hai bên là đúng với quy định của pháp luật, sau khi ký kết phía Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã giao đủ số hàng hóa như đã thỏa thuận và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã tạm ứng cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia làm ba đợt với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Do Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON các giấy tờ liên quan đến xuất xứ hàng hóa như đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc 01/ HĐNT/ECON-TranGia/2013 nên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON không thanh toán nốt số tiền còn lại. Sau khi nhận bàn giao số hàng hóa như đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 thì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng đã sử dụng số hàng hóa này vào công trình Thăng Long Garden tại 250 Minh Khai, Hà Nội, công trình này đã được đưa vào hoạt động từ năm 2016 cho đến nay. Nay Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu vì thời hiệu khởi kiện của vụ án này đã hết.

Luật sư Lê Thiên bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần đầu tư- xây dựng E CON sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 249 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 142, Điều 184, 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 34,42,47,55 Luật Thương mại năm 2005 đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên toà Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

- Về việc thực hiện tố tụng : quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay Toà án đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ : Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền còn nợ theo hợp đồng số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 là: 1.380.927.350 đồng; Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán lãi suất chậm trả của số tiền nợ gốc trên; Đối với số tiền thi công hạng mục cơ điện hành lang tầng 2/A3 là 140.000.000 đồng, sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu; Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại Điều khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư – xây dựng E CON về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty cổ phần đầu tư – xây dựng E CON có địa chỉ trụ sở chính tại số 1004 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 16/8/2013, Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia do ông Trần Tuấn Anh – giám đốc và Công ty cổ phần đầu tư – xây dựng E CON do ông Đỗ Đình Thu Tổng giám đốc- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ký Hợp đồng nguyên tắc số

01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 về việc cung cấp thiết bị vật tư và thực hiện các hạng mục theo yêu cầu trong các công trình xây dựng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON kèm theo Phụ lục số 01 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 16/8/2013. Ngày 29/8/2013 Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã giao toàn bộ số hàng như hai bên đã ký kết cho Công ty cổ phần đầu tư- Xây dựng E CON. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia 3 đợt với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Kể từ ngày 30/9/2013 cho đến nay thì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON không thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia một khoản tiền nào khác. Từ năm 2014 đến 2017 Công Ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã nhiều lần có văn bản gửi cho Công ty cổ phần đầu tư – xây dựng E CON yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON thực hiện việc thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, hơn nữa hàng năm Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia vẫn xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Cổ phần đầu tư- xây dựng E CON đối với số tiền mà Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON còn nợ của Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia. Ngày 22/01/2016, Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia có cử người sang trực tiếp làm việc với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng E CON về việc thanh toán số tiền hàng còn thiếu, lúc này ông Phạm Anh Chính có yêu cầu Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON được sao chụp toàn bộ hồ sơ liên quan đến hợp đồng nguyên tắc số 01 HĐNT/ECON – TRANGIA/2013 để có cơ sở đối chiếu công nợ, vì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON bị thất lạc hồ sơ. Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã sao chụp tài liệu Cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON hồ sơ, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã ký xác nhận về việc này. Nhưng sau đó phía Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON vẫn không thanh toán trả tiền cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia. Ngày 15/7/2017, Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã có công văn số 715 gửi Công ty cổ phần đầu tư- xây dựng E CON đề nghị thanh toán công nợ. Ngày 04/08/2017, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã có công văn số 111/CV- E CON gửi Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia với nội dung: “.... . Như nội dung Công văn và bản đề nghị thanh toán của Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia là không chính xác và không có cơ sở chứng minh số tiền đó, hiện nay Công ty Quốc tế Trần Gia còn nợ số tiền chuyển thừa của công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON khoảng gần 300.000.000 đồng....”. Như vậy thời hiệu khởi kiện sẽ được tính từ ngày 04/08/2017. Ngày 26/09/2017 Tòa án nhận

được đơn khởi kiện của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền 1.380.927.350 đồng. Căn cứ Điều 319 Luật thương mại năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Vì vậy, yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn không được chấp nhận.

1.4. Về thủ tục: Tại phiên tòa hôm nay Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ECON do ông Đặng Văn Tuấn đại diện theo ủy quyền cho rằng nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện, vì theo mục 2.3 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON – TRANGIA/2013, thì điều kiện để Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON thanh toán trả cho Công ty Quốc tế Trần Gia toàn bộ số tiền hàng thì Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia phải giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON bộ hồ sơ quyết toán của Công ty Quốc tế Trần Gia nhưng Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia chưa giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON bộ hồ sơ quyết toán. Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã giao toàn bộ số hàng hóa như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng việc giao nhận hàng hóa hai bên có lập biên bản giao nhận ngày 29/8/2013 và hai bên cùng ký xác nhận. Tại mục 2 của phụ lục Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON – TRANGIA/2013 ngày 16/8/2013 đã quy định: “.... thời hạn thanh toán 100% tổng giá trị phụ lục trong 03 ngày kể từ ngày bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa cho bên A tại công trình...”. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay ông Đặng Văn Tuấn đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON xác nhận toàn bộ số hàng hóa của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã được Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON sử dụng vào công trình Thăng Long Garden tại 250 Minh Khai, công trình này đã được đưa vào sử dụng từ năm 2016 cho đến nay. Phía Công ty Quốc tế Trần Gia khẳng định từ trước cho đến nay chưa bao giờ Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia nhận được bất kỳ văn bản nào của phía Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON thắc mắc gì về chất lượng và yêu cầu bảo hành số hàng trên. Vì vậy yêu cầu này của bị đơn không được chấp nhận.

2/ Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định ngày 16/8/2013 Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia do ông Trần Tuấn Anh – giám đốc và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON do ông Đỗ

Đình Thu – Tổng giám đốc- Chủ tịch hội đồng quản trị đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 về việc cung cấp thiết bị vật tư và thực hiện các hạng mục theo yêu cầu trong các công trình xây dựng của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON kèm theo Phụ lục số 01 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 16/8/2013 thống nhất về việc mua bán, cung cấp thiết bị vật tư cho công trình Thăng Long garden (chi tiết cụ thể hàng hóa, chủng loại, giá cả, số lượng). Tổng giá trị Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/E CON-TranGia/2013 và Phụ lục 01/HĐNT/ECON-TranGia của Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/E CON-TranGia/2013 là 2.480.927.350 đồng, đây là hợp đồng kinh tế hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng ngày 29/8/2013, Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia đã giao toàn bộ số hàng như hai bên đã ký kết theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 và Phụ lục số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 16/8/2013 cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON. Việc giao nhận hàng hai bên có lập thành văn bản, hai bên ký đóng dấu, xác nhận.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều xác nhận sau khi Công ty cổ phần Quốc tế Trần gia giao hàng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON thì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia 3 lần tiền vào các ngày 24/8/2013; 29/8/2013 và 30/9/2013 với tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng. Kể từ ngày 30/9/2013, cho đến nay thì Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON không thanh toán trả cho Công ty cổ phần quốc tế Trần Gia một khoản tiền nào khác. Điều này thể hiện Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì theo quy định tại mục 2 phần ghi chú của phụ lục Hợp đồng số 01 HĐNT/ECON-TranGia/2013 ngày 16/8/2013 quy định: “.. thời hạn thanh toán 100% tổng giá trị phụ lục trong 03 ngày kể từ ngày bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa cho bên A tại công trình...”. Vì vậy, Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần gia số tiền hàng còn thiếu theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECON-TranGia/2013 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng nguyên tắc ngày 16/8/2013 là 1.380.927.350 đồng là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật, nên được chấp nhận. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải có trách nhiệm

thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia tổng số tiền là: 1.380.927.350 đồng.

Quan điểm của luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

2.2. Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền lãi chậm trả của khoản nợ gốc nêu trên. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

2.3. Đối với số tiền thi công hạng mục cơ điện hành lang tầng 2/A3 là 140.000.000 đồng: Do Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia được chấp nhận nên Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không phải chịu án phí. Hoàn trả Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia số tiền tạm ứng án phí là 36.736.000 đồng mà Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006226 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội. Công ty cổ phần đầu t xây dựng E CON phải chịu án phí kinh doanh thương mại s- thêm là 53.427.820 đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : - Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 24, Điều 50, 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại 2005.

-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia đối với Công ty cổ phần đầu t xây dựng E CON.

2.Buộc Công ty cổ phần đầu t xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia tiền hàng còn thiếu theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/ECon-TranGia/2013 và Phụ lục 01 của Hợp đồng nguyên tắc số

01/HĐNT/E Con-TranGia/2013 là : 1.380.927.350 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

3. Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia không yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia số tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc trên.

4. Đối với số tiền thi công hạng mục cơ điện hành lang tầng 2/A3 là 140.000.000 đồng, sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

5. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

6. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON phải chịu 53.427.820 đồng (Năm mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi đồng) , án phí kinh doanh thương mại sẽ thêm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia số tiền 36.736.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty cổ phần Quốc Tế Trần Gia đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006226 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, Hà Nội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia do ông Trần Cao Phong đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON do ông Đặng Văn Tuấn đại diện theo ủy quyền. Công ty cổ phần Quốc tế Trần Gia do ông Trần Cao Phong đại diện theo ủy quyền và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng E CON do ông Đặng Văn Tuấn đại diện theo ủy quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Đống Đa.

- Đồng sự.

- Lu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

